

Số: 66⁸ /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 12 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn học phí cho sinh viên.

Căn cứ Điều 11, Mục 2 Chương II của Điều lệ trường đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định Hiệu trưởng trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021;

Xét đơn xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí cho 135 sinh viên có tên sau đây thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số, người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Thời gian miễn học phí học kỳ II, năm học 2018-2019. Mức học phí miễn, giảm được căn cứ theo số tín chỉ quy định trong khối lượng chương trình đào tạo của Trường và quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, ngừng học, học bổ sung sẽ không được tính miễn học phí.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài chính và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.CTSV.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Thị Thanh Hiền

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ
HỌC KỲ II - Năm học 2018-2019

(Kèm theo Quyết định số: 668/QĐ- ĐHCT, ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng)

Stt	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Diện	Tỉ lệ Miễn, giảm
1	B1500373	Son Thị Giàu	LK1565A3	DTTS-Cận nghèo	100%
2	B1500562	Kim Thị Minh Mẫn	NN1567A2	DTTS-Cận nghèo	100%
3	B1500644	Lý Phát Tài	TN1561A2	DTTS-Cận nghèo	100%
4	B1500653	Néang Srây Ních	TN1583A1	DTTS-Cận nghèo	100%
5	B1501006	Thạch Sa Mách	NN1508A4	DTTS- Hộ nghèo	100%
6	B1501226	Lâm Đál Đa	NN1512A1	DTTS-Cận nghèo	100%
7	B1502010	Khuru Tường Di	KT1520A2	DTTS-Cận nghèo	100%
8	B1503100	Son Thị Hiếu Thảo	LK1563A3	DTTS- Hộ nghèo	100%
9	B1503527	Trương Vũ Cường	TN1562A5	DTTS-Cận nghèo	100%
10	B1504791	Thạch Thị Chal Thi	KH1569A1	DTTS-Cận nghèo	100%
11	B1505380	Trần Minh Phương	TN1583A2	DTTS-Cận nghèo	100%
12	B1505482	Quách Thanh Hào	KT1590A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
13	B1506097	Thạch Ngọc Kinh	ML15U3A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
14	B1506218	Lý Thị The Ri	XH15U4A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
15	B1506219	Kim Sinh Sil	XH15U4A2	DTTS-Cận nghèo	100%
16	B1506672	Thạch Hải	FL15V1A3	DTTS- Hộ nghèo	100%
17	B1506697	Lâm Kim Tiền	FL15V1A3	DTTS- Hộ nghèo	100%
18	B1506912	Châu Hồng Thắm	KT15V5A2	DTTS-Cận nghèo	100%
19	B1507297	Thao Thành Quân	DI15V7A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
20	B1507310	Huỳnh Phương Thảo	DI15V7A2	Khuyết tật - Cận nghèo	100%
21	B1507493	Ngô Liễu My	ML15V9A1	DTTS-Cận nghèo	100%
22	B1507731	Kim Ngọc Châu	KT15W2A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
23	B1507856	Danh Thị Cẩm Thu	KT15W3A2	DTTS-Cận nghèo	100%
24	B1508023	Lâm Tú Ngân	TS15W5A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
25	B1508119	Son Thị Tiểu Hạnh	XH15W7A2	DTTS-Cận nghèo	100%
26	B1509209	Trần Huỳnh Dưỡng Sinh	NN15X9A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
27	B1510522	Lưu Duy Phúc	HG1562A1	DTTS-Cận nghèo	100%

Stt	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Diện	Tỉ lệ Miễn, giảm
28	B1510585	Chau Chanh Thai	HG15U6A1	DTTS-Cận nghèo	100%
29	B1511047	Huỳnh Danh Tuấn	HG15W8A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
30	B1600289	Dương Thị Thu Liễu	NN1608A4	DTTS- Hộ nghèo	100%
31	B1600311	Danh Thị Huỳnh Như	NN1608A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
32	B1600557	Châu Chí Cường	NN1612A2	DTTS-Cận nghèo	100%
33	B1601303	Lý Muối Sên	KT1620A1	DTTS-Cận nghèo	100%
34	B1601627	Neáng Ngọc Sang	KT1622A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
35	B1602379	Thị Ngọc Nhiều	LK1663A3	DTTS- Hộ nghèo	100%
36	B1602384	Neáng Sóc Phia	LK1663A3	DTTS-Cận nghèo	100%
37	B1602447	Neáng Sóc Ine	LK1663A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
38	B1602680	Danh Hải Dương	MT1638A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
39	B1603361	Danh Thanh Trọng	TN1684A2	DTTS-Cận nghèo	100%
40	B1603436	Son Vũ Phương	TN1685A1	DTTS-Cận nghèo	100%
41	B1603439	Chanh Sa Ri	TN1693A1	DTTS-Cận nghèo	100%
42	B1603441	Chau Sêth	TN1693A1	DTTS-Cận nghèo	100%
43	B1603746	Thạch Mu Sa	TN1661A2	DTTS-Cận nghèo	100%
44	B1604501	Chau Si Quách	NN1673A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
45	B1604760	Danh Hoàng Khang	TS1682A2	DTTS-Cận nghèo	100%
46	B1605509	Trần Thị Diễm Kiều	KH16U1A1	DTTS-Cận nghèo	100%
47	B1605722	Lâm Thị Châm	XH16U4A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
48	B1606000	Huỳnh Thị Tuyết Minh	HG16U6A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
49	B1606250	Huỳnh Thị Yến	FL16V1A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
50	B1606527	Phùng Ái Duyên	KT16V5A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
51	B1607042	Trần Ngọc Tú	DI16V7A3	DTTS- Hộ nghèo	100%
52	B1607283	Nguyễn Thị Ngọc Hân	ML16V9A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
53	B1607297	Danh Hoàng Nghiệp	ML16V9A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
54	B1607448	Kim Tấn Lực	KT16W2A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
55	B1607537	Danh Thanh Tâm	KT16W2A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
56	B1608260	Danh Thị Mai	XH16W9A1	DTTS-Cận nghèo	100%
57	B1608601	Ngô Liễu Thy	CA16X5A1	DTTS-Cận nghèo	100%

Stt	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Diện	Tỉ lệ Miễn, giảm
58	B1608739	Tiêu Hoàng Lến	MT16X7A1	DTTS-Cận nghèo	100%
59	B1608928	Thạch Văn Sơn	NN16X8A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
60	B1609173	Dương Vũ Linh	TN16Y5A2	DTTS-Cận nghèo	100%
61	B1609232	Huỳnh Thanh Hòa	TN16Y6A1	DTTS-Cận nghèo	100%
62	B1609296	Danh Dương	TN16Y6A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
63	B1609307	Thạch Thái Hoàng	TN16Y6A2	DTTS-Cận nghèo	100%
64	B1609363	Tề Quốc Vĩnh	TN16Y6A2	DTTS-Cận nghèo	100%
65	B1610437	Nguyễn Trọng Tuấn	TS1682A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
66	B1610658	Trần Đào Thị Mỹ An	DI16V7F1	DTTS-Cận nghèo	100%
67	B1700158	Thạch Thị Phương Thanh	NN1708A1	DTTS-Cận nghèo	100%
68	B1701345	Neáng Na Huỳnh	KT1721A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
69	B1701394	Lê Thị Việt Trinh	KT1721A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
70	B1701806	Thạch Thị Thùy Duyên	HG1723A1	DTTS-Cận nghèo	100%
71	B1702027	Lý Thị Cẩm Tiên	LK1765A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
72	B1702118	Thạch Văn Vàng	LK1765A2	DTTS-Cận nghèo	100%
73	B1702332	Neáng Kim Lan	HG1763A1	DTTS-Cận nghèo	100%
74	B1702620	Trần Minh Hiếu	TN1784A1	DTTS-Cận nghèo	100%
75	B1702784	Lý Cao Trí	TN1793A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
76	B1703416	Trần Huỳnh Trúc Y	DA1766A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
77	B1703565	Son Vông	NN1767A3	DTTS-Cận nghèo	100%
78	B1703709	Sóc Minh Hậu	KH1769A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
79	B1703864	Dương Ngọc Hồ	NN1773A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
80	B1704054	Thạch Thị Anh Đào	TS1782A1	DTTS-Cận nghèo	100%
81	B1704061	Danh Thị Thu Hương	TS1782A1	DTTS-Cận nghèo	100%
82	B1704280	Thạch Thị Liễu	TN1783A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
83	B1704786	Trần Anh Tuấn	DI1796A1	DTTS-Cận nghèo	100%
84	B1704834	Trần Công Minh	DI1796A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
85	B1704979	Lâm Ngọc Hải	TN17T2A3	DTTS-Cận nghèo	100%
86	B1705162	Danh Phước Tài	TN17T2A2	DTTS-Cận nghèo	100%
87	B1705665	Danh Thành Lễ	NN17U5A1	DTTS-Cận nghèo	100%

Stt	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Diện	Tỉ lệ Miễn, giảm
88	B1706127	Thị Ngọc Sang	HG17V1A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
89	B1706210	Phạm Lư Bích Tuyên	KT17V5A1	Khuyết tật - Cận nghèo	100%
90	B1706390	Kim Thị Thiên Nga	TN17V6A2	DTTS-Cận nghèo	100%
91	B1707153	Nguyễn Thị Ngọc My	ML17V9A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
92	B1707176	Lý Thị Cẩm Tú	ML17V9A1	DTTS-Cận nghèo	100%
93	B1707222	Son Thị Thu Phương	KT17W1A1	DTTS-Cận nghèo	100%
94	B1707288	Huỳnh Ngọc Phần	KT17W1A2	DTTS-Cận nghèo	100%
95	B1707577	Tăng Thái Trường	KT17W3A2	DTTS-Cận nghèo	100%
96	B1707808	Lý Sóc Khum	TS17W5A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
97	B1708769	Thạch Chanh Nanl	NN17Z1A1	DTTS-Cận nghèo	100%
98	B1708917	Thạch Trọng	TN17Y5A1	DTTS-Cận nghèo	100%
99	B1709058	Nguyễn Trọng Tú	TN17Y6A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
100	B1709758	Son Hồng Phát	NN17I2A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
101	B1709817	Danh Thị Mỹ Lan	HG1722A2	DTTS-Cận nghèo	100%
102	B1709841	Hà Thị Ngọc Huyền	HG1723A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
103	B1710284	Huỳnh Thanh Hồng	CA17X5A1	Khuyết tật - Cận nghèo	100%
104	B1800066	Lý Thị Ánh Dung	LK1863A2	DTTS-Cận nghèo	100%
105	B1800177	Lý Thị Thu Trang	ML18V9A2	DTTS-Cận nghèo	100%
106	B1800802	Nguyễn Thị Hoài Thương	TS1813A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
107	B1801192	Thạch Priệne	NN1819A1	DTTS-Cận nghèo	100%
108	B1801273	Trương Tú Nghiêm	KT1820A1	DTTS-Cận nghèo	100%
109	B1801288	Chau Sê Rây	KT1820A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
110	B1801880	Danh Thị Huỳnh Hoa	HG1822A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
111	B1801945	Lâm Mỹ Huyền	KT1823A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
112	B1802494	Thạch Dương Song Trân	LK1864A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
113	B1802540	Nguyễn Thị Lê	LK1863A2	DTTS-Cận nghèo	100%
114	B1802762	Bạch Văn Nghĩa	LK1863A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
115	B1803542	Triệu Hoài Nam	TN1884A3	DTTS- Hộ nghèo	100%
116	B1803762	Danh Thanh Bình	DA1866A3	DTTS-Cận nghèo	100%
117	B1804515	Chau Ngâu	NN1873A1	DTTS- Hộ nghèo	100%

Stt	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Diện	Tỉ lệ Miễn, giảm
118	B1804675	Chau Liêm	NN1873A3	DTTS- Hộ nghèo	100%
119	B1804975	La Thanh Thảo	TS1882A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
120	B1804976	Thạch Thị Duy Thảo	TS1882A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
121	B1805867	Nguyễn Danh Hưng	DI1896A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
122	B1806396	Kiên Minh Trương	TN18S3A2	DTTS-Cận nghèo	100%
123	B1806657	Chau Minh Thái	TN18T4A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
124	B1807298	Chau Nhật Linh	TN18T7A4	DTTS-Cận nghèo	100%
125	B1807926	Danh Đà Ni	XH18U4A1	DTTS- Hộ nghèo	100%
126	B1807994	Thạch Hữu Nhân	XH18U4A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
127	B1808346	Thạch Vương Tín	FL18V1A1	DTTS-Cận nghèo	100%
128	B1808610	Kim Hoàng Kim	HG18V1A2	DTTS-Cận nghèo	100%
129	B1809557	Nguyễn Hồng Diệu	HG18V7A2	DTTS- Hộ nghèo	100%
130	B1809906	Lâm Thị Huyền Trân	ML18V9A1	DTTS-Cận nghèo	100%
131	B1810068	Thạch Thị Ngọc Chân	KT18W1A2	DTTS-Cận nghèo	100%
132	B1810605	Danh Thị Cẩm Hương	KT18W4A2	DTTS-Cận nghèo	100%
133	B1812666	Liêu Ngọc Hân	TS18S2A1	DTTS-Cận nghèo	100%
134	B1812797	Thạch Anh Huy	HG18V7A2	DTTS-Cận nghèo	100%
135	C1700352	Ngô Thanh Trường	KT1721A1	DTTS-Cận nghèo	100%

Danh sách gồm có **135** sinh viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

